

Số: 23 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2023

## CHỈ THỊ

### VỀ VIỆC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP TẠO THUẬN LỢI CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Thực hiện Luật Lý lịch tư pháp và các quy định của pháp luật chuyên ngành, thời gian qua công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp và khai thác thông tin lý lịch tư pháp đã đi vào nền nếp và có nhiều chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cũng như người dân, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thủ tục hành chính quy định phải có Phiếu lý lịch tư pháp<sup>1</sup>; một số tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân còn lạm dụng yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp làm cơ sở tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động; một số tỉnh, thành phố chưa chủ động giải quyết kịp thời đáp ứng việc tiếp nhận hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp tăng đột biến thời gian gần đây, dẫn tới tình trạng chậm trễ, ùn ứ gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Nguyên nhân chính của tồn tại, hạn chế trên là: (1) Nhận thức của một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về Phiếu lý lịch tư pháp và pháp luật về lý lịch tư pháp chưa đầy đủ; (2) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chưa chủ động thực hiện quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp mà chủ yếu yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, người dân phải nộp; chưa chủ động rà soát các quy định của pháp luật có yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong thủ tục hành chính để cắt giảm hợp lý; (3) Việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ở một số địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu triển khai cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; (4) Nguồn nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất và việc tổ chức công việc tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu trước nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp tăng cao.

Để kịp thời chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân nêu trên, tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận,

<sup>1</sup> Theo rà soát sơ bộ, hiện có 154 thủ tục hành chính có yêu cầu về Phiếu lý lịch tư pháp.

giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhằm tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí xã hội cho người dân, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt, tuân thủ đúng quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp; có các giải pháp hiệu quả và tiến tới chấm dứt yêu cầu người dân nộp Phiếu lý lịch tư pháp không đúng quy định. Trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả ngay một số nhiệm vụ sau:

a) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp về quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, nhằm hạn chế tình trạng yêu cầu người dân nộp Phiếu lý lịch tư pháp phục vụ công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành, lĩnh vực quản lý; có biện pháp chấn chỉnh việc lạm dụng yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm giữ bí mật thông tin lý lịch tư pháp theo quy định.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền, hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để cắt giảm yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp không hợp lý trong thực hiện thủ tục hành chính; các cơ quan nhà nước chủ động thực hiện quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp, không yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức, người dân phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp; có các giải pháp phù hợp, hiệu quả ngăn chặn tình trạng yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp gây khó khăn, phát sinh chi phí; kịp thời phát hiện, ngăn chặn tình trạng yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư không đúng quy định pháp luật gây khó khăn, phát sinh chi phí cho người dân; báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm các quy định, thủ tục này trong tháng 8 năm 2023 (*Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính có yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp đính kèm*).

c) Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cấp bộ, cấp tỉnh bảo đảm đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ, số hóa và tái sử dụng theo đúng yêu cầu của Chính phủ tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 452/TTg-KSTT ngày 23 tháng 5 năm 2023; quan tâm bố trí nguồn nhân lực, điều kiện làm việc đáp ứng yêu cầu của công tác lý lịch tư pháp bảo đảm theo đúng quy định pháp luật hiện hành, phù hợp yêu cầu, điều kiện thực tiễn của bộ, cơ quan, địa phương.



2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan:

a) Phân quyền cho Sở Tư pháp khai thác, tra cứu Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia để phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhằm tăng tính chủ động, chịu trách nhiệm, giảm thời gian, chi phí thực hiện.

b) Tham mưu cho Chính phủ báo cáo Quốc hội thí điểm phân cấp việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An, trình Chính phủ sớm nhất có thể.

c) Đẩy mạnh số hóa, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

d) Khẩn trương rà soát và đề xuất giảm mức phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để khuyến khích thực hiện dịch vụ công trực tuyến gửi Bộ Tài chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3561/VPCP-KSTT ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

đ) Phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu, xây dựng giải pháp triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID theo yêu cầu tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan liên quan kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu của cơ quan thi hành án dân sự, Cơ sở dữ liệu do ngành Công an quản lý, Cơ sở dữ liệu của Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phục vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp và giải quyết thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, xây dựng giải pháp triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. Trên cơ sở đó sơ kết, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc triển khai thực hiện toàn quốc.

4. Đề nghị các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị này đối với các thành viên để hạn chế việc lạm dụng yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí thực hiện tuyên truyền các quy định về cấp Phiếu lý lịch tư pháp để các tổ chức, doanh nghiệp hiểu và thực hiện đúng, hạn chế tình trạng lạm dụng yêu cầu người dân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp; chỉ đạo các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phối hợp chặt chẽ với cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp để cung ứng dịch vụ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại nhà khi người dân có nhu cầu.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm Chỉ thị này. Định kỳ hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện trong báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương.

Văn phòng chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2).

**THỦ TƯỚNG**



**Phạm Minh Chính**





**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÓ YÊU CẦU PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Lĩnh vực              | Tên TTHC                                                                                                                               | Thời hạn |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Khoa học và Công nghệ | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng                                   |          |
| 2   | Khoa học và Công nghệ | Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ                              | 1 năm    |
| 3   | Khoa học và Công nghệ | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)              |          |
| 4   | Khoa học và Công nghệ | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)                             | 1 năm    |
| 5   | Khoa học và Công nghệ | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |          |
| 6   | Khoa học và Công nghệ | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)                             | 1 năm    |
| 7   | Khoa học và Công nghệ | Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài                                            |          |
| 8   | Khoa học và Công nghệ | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)              |          |

|    |                       |                                                                                                                                                                            |         |
|----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 9  | Khoa học và Công nghệ | Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam                                                |         |
| 10 | Ngoại giao            | Thủ tục đăng ký việc nhận nuôi con nuôi giữa người nhận nuôi là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với trẻ em được nhận nuôi là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài |         |
| 11 | Ngoại giao            | Thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài                                                                                          | 90 ngày |
| 12 | Ngoại giao            | Thủ tục cấp Giấy đăng ký hoạt động cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam                                                                                   | 90 ngày |
| 13 | Ngoại giao            | Cấp mới Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam                                                                          |         |
| 14 | Nội vụ                | Thủ tục thành lập hội (cấp tỉnh)                                                                                                                                           |         |
| 15 | Nội vụ                | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.                                                                                                                                |         |
| 16 | Nội vụ                | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp huyện)                                                                                                                     |         |
| 17 | Nội vụ                | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp tỉnh)                                                                                                                      |         |
| 18 | Nội vụ                | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện                                                                                             |         |
| 19 | Nội vụ                | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội                                                                                                       |         |
| 20 | Nội vụ                | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp Tỉnh                                                                                              |         |
| 21 | Nội vụ                | Thủ tục thành lập hội.                                                                                                                                                     |         |
| 22 | Nội vụ                | Thủ tục thành lập hội cấp huyện                                                                                                                                            |         |
| 23 | Nội vụ                | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ Quỹ.                                                                                                                  |         |



|    |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|----|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 24 | Nội vụ                              | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ.                                                                                                                                                                                         |  |
| 25 | Nội vụ                              | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ.                                                                                                                                                                                                               |  |
| 26 | Nội vụ                              | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)                                                                                                                                                                                                                |  |
| 27 | Nội vụ                              | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)                                                                                                                                                                               |  |
| 28 | Nội vụ                              | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)                                                                                                                                                                                                     |  |
| 29 | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) |  |
| 30 | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)                                                                                                                                  |  |
| 31 | Tài chính                           | Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm                                                                                                                                                                                |  |
| 32 | Tài chính                           | Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó                                                                                                                                                              |  |
| 33 | Tài chính                           | Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino                                                                                                                                                                                           |  |
| 34 | Tài chính                           | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế                                                                                                                                                                                                       |  |

|    |           |                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |
|----|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 35 | Tài chính | Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp mới)                                                                                                                                                                                         |          |
| 36 | Tài chính | Mở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc chuyển đổi văn phòng đại diện thành chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm                                                                                                                    |          |
| 37 | Tài chính | Bổ nhiệm, thay đổi một số chức danh quản trị, điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm                                                                                                                           |          |
| 38 | Tài chính | Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán do thay đổi tên công ty, người đại diện theo pháp luật, thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, giám sát, thay đổi thời gian hoạt động, thay đổi trụ sở công ty |          |
| 39 | Tài chính | Cấp phép thành lập và hoạt động công ty cổ phần bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ, sức khoẻ, tái bảo hiểm)                                                                                                                                                         |          |
| 40 | Tài chính | Cấp phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                 |          |
| 41 | Tài chính | Cấp phép thành lập và hoạt động công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ, sức khoẻ, tái bảo hiểm)                                                                                                                                             |          |
| 42 | Tài chính | Cấp phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài                                                                                                                                                                                        |          |
| 43 | Tài chính | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                      | 06 tháng |
| 44 | Tài chính | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán                                                                                                                                                            | 06 tháng |



|    |           |                                                                                                                                                                                              |          |
|----|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 45 | Tài chính | Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn cấp cho chi nhánh, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam | 06 tháng |
| 46 | Tài chính | Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán                                                                  | 06 tháng |
| 47 | Tài chính | Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán                                                          | 06 tháng |
| 48 | Tài chính | Chấp thuận tổ chức lại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán”                                                                                                          | 06 tháng |
| 49 | Tài chính | Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán                                                                                                                                                      | 06 tháng |
| 50 | Tài chính | Thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán                                    | 06 tháng |
| 51 | Tài chính | Cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (12/QĐ-BTC)                                                                                                                                              | 06 tháng |
| 52 | Tài chính | Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở lần đầu ra công chúng                                                                                                                            | 06 tháng |
| 53 | Tài chính | Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng                                                                                                     | 06 tháng |
| 54 | Tài chính | Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán                                                                                                                             |          |
| 55 | Tài chính | Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản lần đầu ra công chúng                                                                                                                     | 06 tháng |
| 56 | Tài chính | Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục lần đầu ra công chúng                                                                                                                       | 06 tháng |

|    |                           |                                                                                                                                                                                       |          |
|----|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 57 | Tài chính                 | Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo QĐ12                                                                                                   | 06 tháng |
| 58 | Tài chính                 | Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ (QĐ:12/QĐ-BTC)                                                                                               |          |
| 59 | Thông tin và Truyền thông | Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài                                                       |          |
| 60 | Thông tin và Truyền thông | Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà Xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài                       |          |
| 61 | Tư pháp                   | Bổ nhiệm lại công chứng viên                                                                                                                                                          |          |
| 62 | Tư pháp                   | Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư                                                                                   |          |
| 63 | Tư pháp                   | Bổ nhiệm công chứng viên                                                                                                                                                              |          |
| 64 | Tư pháp                   | Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư                                                                           |          |
| 65 | Tư pháp                   | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú)    |          |
| 66 | Tư pháp                   | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)               |          |
| 67 | Tư pháp                   | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam) |          |



|    |         |                                                                                                                                                                  |          |
|----|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 68 | Tư pháp | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)                              |          |
| 69 | Tư pháp | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản                                                                       |          |
| 70 | Tư pháp | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân                                                                                                  |          |
| 71 | Tư pháp | Cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài                                                                                                      |          |
| 72 | Tư pháp | Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở nước ngoài                                                                                                                  | 90 ngày  |
| 73 | Tư pháp | Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước                                                                                                                     | 90 ngày  |
| 74 | Tư pháp | Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam                                                                                                                                  | 90 ngày  |
| 75 | Tư pháp | Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước                                                                                                                  | 90 ngày  |
| 76 | Tư pháp | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư                           |          |
| 77 | Tư pháp | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan mà thông tin trên Chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi |          |
| 78 | Tư pháp | Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá                                                                                                                          |          |
| 79 | Tư pháp | Bổ nhiệm Thừa phát lại                                                                                                                                           | 06 tháng |
| 80 | Tư pháp | Bổ nhiệm lại Thừa phát lại                                                                                                                                       | 06 tháng |
| 81 | Tư pháp | Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi             |          |
| 82 | Tư pháp | Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam                                                                                     | 06 tháng |
| 83 | Tư pháp | Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài                                                                                    | 06 tháng |

|    |         |                                                                                                                                                                            |          |
|----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 84 | Tư pháp | Thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam                                                                                           | 06 tháng |
| 85 | Tư pháp | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi | 06 tháng |
| 86 | Tư pháp | Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi                                                                  | 06 tháng |
| 87 | Tư pháp | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng                                                                                  | 06 tháng |
| 88 | Tư pháp | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                                                      | 06 tháng |
| 89 | Tư pháp | Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi                                                                                   | 06 tháng |
| 90 | Tư pháp | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi                                                              | 06 tháng |
| 91 | Tư pháp | Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp                                                                                                                                 |          |
| 92 | Tư pháp | Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh                                                                                                                        |          |
| 93 | Tư pháp | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam hoặc công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú                        |          |
| 94 | Tư pháp | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam                                                                                 |          |



|     |          |                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 95  | Xây dựng | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân là công chức thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ                                                     |  |
| 96  | Y tế     | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế |  |
| 97  | Y tế     | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế                                        |  |
| 98  | Y tế     | Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài                                                                                                                                                  |  |
| 99  | Y tế     | Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế                                                                                                                                                            |  |
| 100 | Y tế     | Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                                                                    |  |
| 101 | Y tế     | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                        |  |

|     |                             |                                                                                                                                                                                                                                        |          |
|-----|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 102 | Y tế                        | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức thi        |          |
| 103 | Y tế                        | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ                                 |          |
| 104 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô                                                                                                                                                               | 06 tháng |
| 105 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên |          |
| 106 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân                                                                                                                                                                        |          |
| 107 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng hợp tác xã                                                                                                                                                                      |          |
| 108 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài                                                                                                                                                                 |          |
| 109 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng                                                                                             |          |
| 110 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng                                                                                                                                                                      |          |
| 111 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài                                                                                                                                | 06 tháng |



|     |                              |                                                                                                                       |          |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 112 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng | 06 tháng |
| 113 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của Ngân hàng Hợp tác xã                                                 | 06 tháng |
| 114 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân                                                | 06 tháng |
| 115 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục cấp Giấy phép đối với trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô                               | 06 tháng |
| 116 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên           | 06 tháng |
| 117 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên                   | 06 tháng |
| 118 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần                                     | 06 tháng |
| 119 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn                       | 06 tháng |
| 120 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần                                   | 06 tháng |
| 121 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài              | 06 tháng |
| 122 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân                                                    |          |
| 123 | Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam                                |          |

|     |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 124 | Văn hóa, Thể thao và Du lịch     | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                            |  |
| 125 | Văn hóa, Thể thao và Du lịch     | Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu                                                                                                                                                                                                 |  |
| 126 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội                                                                                                                     |  |
| 127 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp Thư giới thiệu cho công dân Việt Nam tham gia Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ tại Ô-xtrây-li-a (Thư giới thiệu cho công dân Việt Nam tham gia Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ tại Ô-xtrây-li-a sau đây gọi tắt là Thư giới thiệu) |  |
| 128 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn                                                                                                                                                           |  |
| 129 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp Giấy phép làm việc cho công dân Ô-xtrây-li-a tham gia Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ tại Việt Nam                                                                                                                                      |  |
| 130 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em                                                                                               |  |
| 131 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng                                                             |  |
| 132 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng                                                                                                                              |  |
| 133 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                                                 |  |



|     |                                  |                                                                                                                                                               |          |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 134 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động                                                                                                                 | 06 tháng |
| 135 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động                                                                                                             |          |
| 136 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp trung ương)                                                                   | 06 tháng |
| 137 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam                                                                                    | 06 tháng |
| 138 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm                                                                      | 06 tháng |
| 139 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm                                                                      |          |
| 140 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm                                                                          |          |
| 141 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                                   |          |
| 142 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Hưởng lại chế độ ưu đãi                                                                                                                                       |          |
| 143 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                    |          |
| 144 | Lao động - Thương binh và Xã hội | Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng |          |
| 145 | Công an                          | Cấp thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam (thực hiện tại cấp tỉnh)                                                                                 |          |
| 146 | Công an                          | Cấp thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam (thực hiện tại cấp Trung ương)                                                                           |          |

|     |                    |                                                                                                                                           |  |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 147 | Công an            | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp Trung ương)                                                   |  |
| 148 | Công an            | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)                                                         |  |
| 149 | Công an            | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện)                                                        |  |
| 150 | Quốc phòng         | Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công là thương binh chưa được hưởng chế độ ưu đãi do gửi sổ đi B                         |  |
| 151 | Quốc phòng         | Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công đang tại ngũ, công tác                                                              |  |
| 152 | Giao thông vận tải | Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (tại điểm a khoản 1 điều 14 Thông tư 13/2019/TT-BGTVT)      |  |
| 153 | Giao thông vận tải | Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (tại điểm b và c khoản 1 điều 14 Thông tư 13/2019/TT-BGTVT) |  |
| 154 | Giao thông vận tải | Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (tại điểm d khoản 1 điều 14 Thông tư 13/2019/TT-BGTVT)      |  |